*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

Bài 24

**KINH TẾ NHẬT BẢN**

(03 tiết)

# I. MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức**

- Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những điểm nổi bật.

- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:** Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích được quy luật phân bố của các trung tâm kinh tế lớn của Nhật Bản phần lớn nằm ở ven Thái Bình Dương.

- Tìm hiểu Địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học và khai thác internet phục vụ môn học

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ giải thích được nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản có sự đóng góp to lớn của con người, sự hy sinh, tinh thần trách nhiệm với đất nước của người dân Nhật Bản.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ học tập, rèn nề nếp học tập chủ động, học tập qua trải nghiệm để hoàn thiện bản thân.

- Trách nhiệm việc xây dựng nội quy lớp học, hình thành tinh thần trách nhiệm với gia đình và tiến tới với xã hội.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

# Giáo viên

* Bản đồ phân bố một số trung tâm công nghiệp và ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản.
* Bảng số liệu số, biểu đồ về kinh tế của Nhật Bản.
* Các hình ảnh, video về Nhật Bản
* Phiếu học tập làm việc nhóm
* Bài trình chiếu

# Học sinh

* Giấy note để làm việc cá nhân
* Bút màu để làm việc nhóm
* Sách giáo khoa và vở ghi
* Dụng cụ truy cập Internet, quét mã QR

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (10 phút)**

1. *Mục tiêu:* Kiểm tra phần bài làm của HS, dẫn nhập vào bài mới.
2. *Nội dung:* GV cho HS xung phong trình bày bài viết về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

*c) Sản phẩm:* Bài viết của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS xung phong trình bày bài viết về đặc điểm nguồn lao động của Nhật Bản.

+ GV nhắc lại/ hoặc hỏi HS về nguyên nhân Nhật Bản đầu hàng sau thế chiến thứ 2 và tình cảnh Nhật Bản vào thời điểm đó.

+ Cho HS xem video “Hành trình lột xác thoát nghèo của Nhật Bản sau Thế chiến thứ Hai”

<https://coccoc.com/search?query=kinh+t%E1%BA%BF+c%E1%BB%A7a+nh%E1%BA%ADt+b%E1%BA%A3n+sau+th%E1%BA%BF+chi%E1%BA%BFn&tbm=vid>

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày.

**- Báo cáo, thảo luận:** Hs thảo luận vấn đề đặt ra theo hướng dẫn của GV.

**- Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp và dẫn dắt vào bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (110 phút)**

# Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

*a) Mục tiêu:*

- Nhận xét về quy mô, tốc độ tăng và cơ cấu GDP của Nhật Bản, giai đoạn 2000 - 2020.

- Trình bày tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.

- Giải thích nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động cả lớp, nhận xét bảng 24.1. quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1961 - 2020; Kỹ thuật tia chớp để xác định các nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

*c) Sản phẩm:*

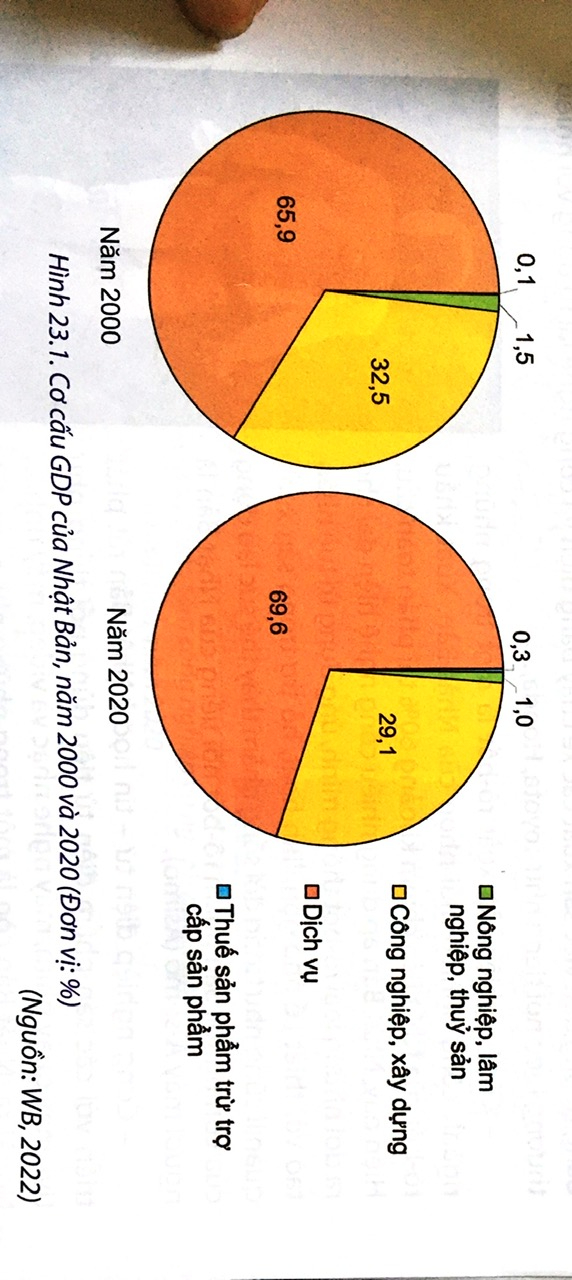
| **I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ** |
| --- |
| * Quá trình phát triển kinh tế Nhật Bản trải qua nhiều giai đoạn:   + Giai đoạn 1955 - 1972: Công cuộc tái thiết và phát triển kinh tế của chính phủ Nhật Bản diễn ra thành công. Nhật Bản có tốc độ tăng GDP cao, bình quân khoảng 10%/ năm, trở thành một nước phát triển. Từ năm 1968, kinh tế Nhật Bản vươn lên đứng thứ hai thế giới, sau Hoa Kỳ.  + Giai đoạn 1973 - 1992: Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng năng lượng những năm 70 và “thời kỳ bong bóng kinh tế” năm 1991 đã dẫn đến kinh tế trì trệ kéo dài.  + Giai đoạn 1992 đến nay: Sau giai đoạn tăng trưởng kinh tế cao từ năm 2002 đến năm 2006, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào những năm 2007 - 2008 cùng với thiên tai, dịch bệnh khiến tốc độ tăng GDP của Nhật Bản xuống thấp. Năm 2020, Nhật Bản đứng thứ ba thế giới về quy mô GDP sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, là thành viên của G7 và G20.   * Trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, dịch vụ là ngành có tỉ trọng cao nhất (gần 70%), nông nghiệp có tỉ trọng nhỏ nhất (khoảng 1%). Nền kinh tế Nhật Bản phát triển ở trình độ cao, các ngành kinh tế ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học - công nghệ. * Kinh tế Nhật Bản đang đối mặt với nhiều thách thức như: dân số già, mức nợ công cao, phụ thuộc vào nguồn nguyên nhiên liệu từ bên ngoài, sự cạnh tranh gay gắt của các nước, thiên tai,... Để nâng cao vị thế trong nền kinh tế thế giới, Nhật Bản đang tập trung phát triển kinh tế số (rô-bốt, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế - ảo,...). |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** cả lớp – HS nhận xét Hình 23.1. Cơ cấu GDP của Nhật Bản, năm 2000 và 2020 (Đơn vị: %) (SGK Địa lí 11 – CTST), bảng 24.1. quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1961 - 2020 và thông tin SGK để rút ra được các đặc điểm kinh tế của Nhật Bản gồm:

1. *Tóm tắt các giai đoạn phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ 2.*
2. *Quy mô kinh tế năm 2020; vị thứ so với thế giới; chiếm bao nhiêu %*
3. *Quy mô và tốc tốc độ tăng GDP của Nhật Bản đoạn 1961– 2020*
4. *Cơ cấu GDP của Nhật Bản năm 2000 và 2020.*



**+ Nhiệm vụ 1:** HS thực hiện kỹ thuật tia chớp để xác định các nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** HS làm việccả lớp theo tiến trình các bảng số liệu và biểu đồ giáo viên trình chiếu.

**+ Nhiệm vụ 2:** HS thực hiện kỹ thuật tia chớp.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ HS trình bày, nhận xét bảng số liệu, biểu đồ.

+ HS trình bày nguyên nhân phát triển kinh tế thần kỳ của Nhật Bản giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ 2 và các giai đoạn sau này.

+ Gv cho HS so sánh và rút ra bài học với Việt Nam

**- Kết luận, nhận định:**

+ Gv chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

# Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về CÁC NGÀNH KINH TẾ

*a) Mục tiêu:*

- Trình bày tình hình phát triển các ngành kinh tế của Nhật Bản.

- Nhận xét sự phân bố của các trung tâm công nghiệp và một số ngành công nghiệp (điện tử - tin học, sản xuất ô tô, hóa chất, hóa dầu, đóng tàu,...)., đặc điểm phân bố ngành nông nghiệp của Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động theo kĩ thuật góc – trạm để tìm hiểu về các ngành kinh tế của Nhật Bản.

*c) Sản phẩm:*

| **II. CÁC NGÀNH KINH TẾ** |
| --- |
| **1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản:** chiếm tỉ lệ nhỏ (chỉ khoảng 1%) trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng 3% lực lượng lao động (năm 2020).  **a/ Nông nghiệp**   * Sản xuất theo hướng thâm canh với quy mô nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến, cho năng suất cao với chất lượng hàng đầu thế giới. * Trồng trọt có vị trí quan trọng, chiếm hơn 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao. Các sản phẩm chính gồm: lúa gạo, lúa mì, rau, cầy ăn quả…. * Chăn nuôi tương đối phát triển, tỷ trọng có xu hướng tăng. Các vật nuôi chính là bò, lợn, gia cầm.   **b/ Lâm nghiệp:** được chú trọng phát triển, rừng có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảng 40% tổng diện tích rừng. Nhật Bản vẫn phải nhập gỗ nguyên liệu và nhiều sản phẩm từ gỗ.  **c/ Thuỷ sản**   * Khai thác thuỷ sản có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thuỷ sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước. * Sản lượng thuỷ sản khai thác năm 2020 là 3,2 triệu tấn (đứng thứ tám thế giới). * Đội tàu khai thác thuỷ sản của Nhật Bản lớn hàng đầu thế giới (năm 2020). * Nuôi trồng thuỷ sản được chú trọng phát triển. Các loài thuỷ sản được nuôi trồng chủ yếu là tôm, rong biển, trai lấy ngọc, hàu,...   **2/ Công nghiệp**   * Đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản, chiếm khoảng 29% GDP và thu hút khoảng 27% lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất cho đất nước. * Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp chế tạo, công nghiệp điện tử - tin học,... * Các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản nằm dọc bờ biển hoặc gần các vịnh lớn. * Công nghiệp chế tạo phát triển mạnh và chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là tàu biển, ô tô… * Công nghiệp điện tử - tin học đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng, máy tính, ti vi, chất bán dẫn, rô-bốt … * Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo; công nghiệp hàng không - vũ trụ; công nghệ sinh học và dược phẩm,...   **3. Dịch vụ:** đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng 69,5%) và thu hút 72,9% lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).  **a/ Thương mại**   * Nội thương đóng góp khoảng 13 - 14% GDP (giai đoạn 2010 - 2020). * Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn 1.500 tỷ USD. So với các quốc gia phát triển khác, Nhật Bản có mức xuất khẩu khá thấp so với quy mô GDP. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, hoá chất, nhựa,... Các mặt hàng nhập khẩu chính là năng lượng, nguyên liệu công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp,... Các đối tác thương mại chính của Nhật Bản là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á, Ồ-xtrây-li-a,...   **b/ Giao thông vận tải**   * Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản đống bộ và hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế. * Giao thông đường sắt được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá, đặc biệt là hệ thống tàu cao tốc Sin-can-xen kết nối các thành phố lớn. * Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơn 1,2 triệu km, chiếm hơn 90% khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020). * Đường hàng không, đường biển của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.   **c/ Tài chính ngân hàng:** Nhật Bản là một trong những trung tâm tài chính quan trọng của thế giới. Tô-ky-ô là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.  **d/ Du lịch**   * Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng 7% vào GDP (năm 2019). * Năm 2019, Nhật Bản thu hút được 31,8 triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ 12 thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 46,1 tỷ USD (đứng thứ 7 thế giới). * Du lịch nội địa đóng vai trò quan trọng. |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** GV thiết kế các bộ phiếu học tập, chia HS thành các nhóm nhỏ từ 3-5 và phát PHT cho các em làm việc theo kĩ thuật góc – trạm. Mỗi trạm HS làm việc trong 5 phút.

TRẠM 1 – NÔNG NGHIỆP

TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP

TRẠM 3 – DỊCH VỤ

(Lưu ý: Tùy điều kiện của HS, GV có thể cho Hs hoạt động nhóm, cả lớp theo tiến trình hoặc phiếu học tập đều được)

**+ Nhiệm vụ 2:** Hoạt động cả lớp, nhận xét các bảng số liệu 24.2, 24.3

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Các nhóm thảo luận hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 5 phút/ trạm, hoàn thành bộ PHT của các ngành kinh tế.

**+ Nhiệm vụ 2:** GV gọi HS bất kỳ lên bảng nhận xét các bảng số liệu 24.2, 24.3

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Hết thời gian làm bài 15 phút, các nhóm đổi PHT để chấm chéo.

+ Gv gọi HS bất kì chỉ trên bản đồ và trình bày nội dung.

+ GV cho HS thảo luận để làm rõ các vấn đề:

1. *Nhật Bản đã khắc phục vấn đề thiếu tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực bằng các biện pháp nào?*
2. *Tại sao ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu GDP?*
3. *Lý do tại sao Nhật Bản lại phát triển mạnh ngành thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng.*
4. *Đường biển có vai trò gì đối với kinh tế Nhật Bản?*

**- Kết luận, nhận định:**

+ Học sinh hoàn thành nội dung bài học vào vở

+ Cho Hs xem hình ảnh/ video liên quan

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

# Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về CÁC VÙNG KINH TẾ

*a) Mục tiêu:* Trình bày những đặc điểm những đặc điểm nổi bật của các vùng kinh tế ở Nhật Bản.

*b) Nội dung:* Hoạt động cá nhân/ cụm học tập.

*c) Sản phẩm:*

| **III. CÁC VÙNG KINH TẾ** |
| --- |
| | **Vùng kinh tế/đảo** | **Đặc điểm nổi bật** | | --- | --- | | **Hốc-cai-đô** | * Diện tích: 83,4 nghìn km2, đóng góp 3,4% GDP cả nước. * Rừng chiếm diện tích lớn, khoáng sản chủ yếu là than. * Giá trị ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản lớn nhất Nhật Bản, các sản phẩm nông nghiệp chính là lúa mì, khoai tây, rong biển, thịt bò,... * Phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, luyện kim đen, sản xuất giấy. * Du lịch phát triển mạnh. * Các trung tâm kinh tế quan trọng là Xao-pô-rô, Cu-si-rô. | | **Hôn-su** | * Diện tích: 231,2 nghìn km2 (chiếm khoảng 60% diện tích Nhật Bản), số dân đông nhất, kinh tế phát triển nhất. * Khí hậu phân hóa theo chiều bắc - nam, đông - tây, có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh; thường xuyên chịu ảnh hưởng của hoạt động núi lửa và động đất. * Nông nghiệp nổi tiếng với lúa gạo, hoa quả, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản,... * Công nghiệp phát triển mạnh, phân bố chủ yếu ở bờ biển Thái Bình Dương. * Ngành dịch vụ phát triển mạnh nhất Nhật Bản. * Các trung tâm kinh tế lớn là Tô-ky-ô, I-ô-cô-ha-ma, Ca-oa-xa-ki, Ồ-xa-ca, Cô-bê, Ky-ô-tô. | | **Xi-cô-cư** | * Diện tích: 42,2 nghìn km2, đóng góp khoảng 10% GDP của Nhật Bản. * Các nông sản chủ yếu là lúa gạo, thuốc lá, cây ăn quả,... * Các ngành công nghiệp tự động và bán dẫn chiếm ưu thế. * Hoạt động thương mại và giao thông vận tải biển phát triển. * Các trung tâm kinh tế chính là Phu-cu-ô-ca và Na-ga-xa-ki. | | **Kiu-xiu** | * Có đường bờ biển với phong cảnh đẹp, khí hậu cận nhiệt đới, vùng có lịch sử lâu đời, còn lưu giữ nhiều công trình cổ kính, lễ hội truyền thống,... * Ngành công nghiệp có quy mô không lớn, chủ yếu là công nghiệp thực phẩm, hóa chất,... Trung tâm công nghiệp là Cô-chi (Kochi). * Sản xuất nông nghiệp tập trung ở vùng đồng bằng ven biển, với các cây trồng chính là chè, cây ăn quả,... * Các nét đẹp văn hoá truyền thống còn được lưu giữ, thu hút khách du lịch. | |

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Cá nhân:GV chia lớp thành 4 cụm, mỗi cụm HS làm việc cá nhân, xác định các trung tâm công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chính trên bản đồ, đọc SGK xác định các đặc trưng cơ bản của từng đảo – vùng kinh tế chính của Nhật Bản.

**+ Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: Trình bày những đặc điểm của mỗi đảo lớn.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân 2 phút.

**+ Nhiệm vụ 2:** Cả lớp: chỉ trên bản đồ và các đặc trưng khác của mỗi đảo lớn.

**- Báo cáo, thảo luận:**

**+** Gv lần lượt gọi HS lên bảng, chỉ trên bảng số liệu đã phóng to phần nhận xét và kết luận của bản thân, cả lớp bổ sung.

+ Gv giúp học sinh rút ra các quy luật chung để dễ nhớ nội dung bài học

* *Càng về phía nam, càng nóng 🡪 có các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới*
* *Dân cư và công nghiệp tập trung nhiều ở phía đông, bờ Thái Bình Dương*

*...*

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV cho HS xem hình

| D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\0a03fd989c985a86e1a68b55b83f4fe4 (1).jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\0a03fd989c985a86e1a68b55b83f4fe4 (1).jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\8faacbffe60971d4b6f0079a878f6ddd (1).jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\8faacbffe60971d4b6f0079a878f6ddd (1).jpg |
| --- | --- | --- | --- |

+ Gv nhận xét, chốt ý, cho điểm các HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ HS ghi bài

**Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

*a) Mục tiêu:* Củng cố nội dung bài học, xác định những nội dung HS chưa nắm vững và có hướng bổ sung.

*b) Nội dung:* HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

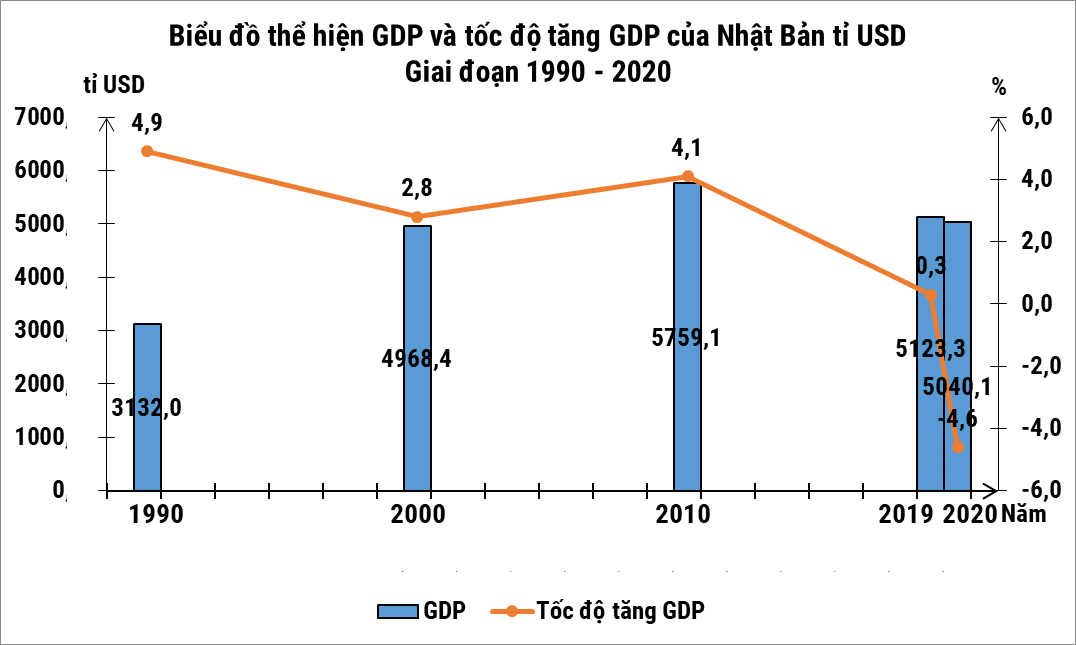
*d) Tổ chức thực hiện:*

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv cho Hs chuẩn bị câu trả lời A, B, C, D

| **CÂU HỎI** |
| --- |
| **Câu 1.** Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo nào sau đây?  **A.** Xi-cô-cư. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Hôn-su. **D.** Kiu-xiu.  **Câu 2.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản phát triển ngày càng mạnh mẽ?  **A.** Nhu cầu của hoạt động xuất, nhập khẩu.  **B.** Nhu cầu đi ra nước ngoài của người dân.  **C.** Vùng biển rộng ở xung quanh đất nước.  **D.** Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu.  **Câu 3.** Do nghèo tài nguyên khoáng sản, nên Nhật Bản chú trọng phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều  **A.** lao động trình độ phổ thông. **B.** tri thức khoa học, kĩ thuật.  **C.** nguyên, nhiên liệu nhập khẩu. **D.** đầu tư vốn của các nước khác.  **Câu 4.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với công nghiệp Nhật Bản?  **A.** Có vị trí cao trên thế giới về sản xuất thiết bị điện tử.  **B.** Sản xuất mạnh tàu biển, người máy, ô tô, tivi.  **C.** Có sự phân bố rộng khắp và đồng đều trên lãnh thổ.  **D.** Có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới.  **Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với nông nghiệp Nhật Bản?  **A.** Nông nghiệp có vai trò chủ yếu trong nền kinh tế.  **B.** Diện tích đất nông nghiệp ít, chỉ chiếm chưa đầy 14% lãnh thổ.  **C.** Nông nghiệp thâm canh, chú trọng vào năng suất nông sản.  **D.** Tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP chỉ chiếm khoảng 1 %.  **Câu 6.** Những năm 1973 - 1974, tốc độ tăng trưởng của nền Kinh tế Nhật Bản giảm xuống nhanh, nguyên nhân là do  **A.** cạn kiệt tài nguyên khoáng sản. **B.** có nhiều động đất, sóng thần.  **C.** khủng hoảng tài chính thế giới. **D.** khủng hoảng dầu mỏ thế giới.  **Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?  **A.** Rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng.  **B.** Tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.  **C.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.  **D.** Diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.  **Câu 8.** Kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, **không** phải nhờ vào việc  **A.** áp dụng các kỹ thuật mới. **B.** hiện đại hoá công nghiệp.  **C.** nhập nhiều nhiên liệu. **D.** tăng các nguồn vốn đầu tư.  **Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với ngành dịch vụ của Nhật Bản năm 2020?  **A.** Chiếm gần 70% giá trị tổng sản phẩm trong nước.  **B.** Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng.  **C.** Nhật Bản đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu.  **D.** Có thị trường tiêu dùng nội địa rất rộng lớn.  **Câu 10.** Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản phân bố nhiều nhất ở  **A.** ven Thái Bình Dương. **B.** trung tâm các đảo lớn.  **C.** ven biển Nhật Bản. **D.** ven biển Ô-khốt. |

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi theo tiến trình
* **Báo cáo, thảo luận:** Thảo luận các câu chưa nắm vững.
* **Kết luận, nhận định:** Tổng kết nội dung bài học.

**Phương án 2 – làm phần luyện tập**

2. Dựa vào bảng 24.1, hãy vẽ biểu đồ thể hiện GDP và tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 - 2020. Nêu nhận xét.****

\* Nhận xét

Giai đoạn 1990 – 2020

* GDP của Nhật Bản tăng không liên tục, tăng từ 3132,0 tỷ USD lên 5040,1 tỷ USD (tăng 1,6 lần).

+ Giai đoạn 1990-2010: tăng

+ Giai đoạn 2010-2020: giảm

* Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định, giảm không liên tục từ 4,9% xuống còn -4,6%.

+ Giai đoạn 1990-2000: giảm

+ Giai đoạn 2000-2010: tăng

+ Giai đoạn 2010-2020: giảm, nhất là giai đoạn 2019-2020 giảm nhanh và có tốc độ tăng trưởng kinh tế âm.

**Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**

*a) Mục tiêu:* Hướng dẫn HS tự học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện năng lực tự chủ, tự học.

*b) Nội dung:* HS tìm thêm thông tin và viết bài giới thiệu ngắn về một vấn đề địa lí kinh tế Nhật Bản mà em quan tâm (một sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp,...).

*c) Sản phẩm:* bài làm của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm**:** Hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn tìm hiểu về về một vấn đề địa lí kinh tế Nhật Bản mà em quan tâm (một sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp,...).
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.
* **Báo cáo, thảo luận:** Gv cho HS xung phong trình bày vào thời gian thích hợp.
* **Kết luận, nhận định:** Nhận xét, rút kinh nghiệm, cho điểm

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................

**V. PHỤ LỤC**

**1/ PHT**

| **TRẠM 1– NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN** |
| --- |
| Câu 1: Căn cứ vào hình 24.1 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê các sản phẩm nông nghiệp sau:  *(Lưu ý, nên sắp xếp thứ tự sản phẩm giảm dần theo số lượng kí hiệu)*   | Đảo Hốc- Cai - đô | ........................... | ........................... | | --- | --- | --- | | Đảo Hôn - su | ........................... | ........................... | | Đảo Xi- cô- cư | ........................... | ........................... | | Đảo Kiu - xiu | ........................... | ........................... |   Câu 2 : Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:   | **1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản:** chiếm tỉ lệ ........................... (chỉ khoảng ........................... trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng ........................... lực lượng lao động (năm 2020).  **a/ Nông nghiệp**   * Sản xuất theo hướng ........................... với quy mô nhỏ, áp dụng ..........................., cho ........................... với chất lượng hàng đầu thế giới. * ........................... có vị trí quan trọng, chiếm hơn ........................... tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao. * Chăn nuôi ..........................., tỷ trọng có xu hướng............................   **b/ Lâm nghiệp:** được chú trọng phát triển, ...........................có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảng ...........................tổng diện tích rừng.  **c/ Thuỷ sản**   * ........................... có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thuỷ sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước. * Sản lượng thuỷ sản khai thác năm 2020 là ........................... (đứng thứ........................... thế giới). * Đội tàu khai thác thuỷ sản của Nhật Bản lớn ...........................thế giới (năm 2020). * ........................... thuỷ sản được chú trọng phát triển. Các loài thuỷ sản được nuôi trồng chủ yếu là ........................... | | --- | |

| **TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP** |
| --- |
| Câu 1: Căn cứ vào hình 24.2 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:   | **2/ Công nghiệp**: chiếm khoảng ........................... GDP và thu hút khoảng ...........................lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá ........................... cho đất nước.   * Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kĩ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp ........................... * Chỉ trên bản đồ các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản: ........................... phần lớn các trung tâm công nghiệp nằm ........................... hoặc gần các ........................... * Công nghiệp ........................... phát triển mạnh và chiếm khoảng ........................... giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là ........................... * Công nghiệp ........................... đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng, ........................... * Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành ........................... | | --- |   Câu 2 : Nhận diện thương hiệu   | Top 86+ logo xe toyota không thể bỏ qua - daotaonec | DUYLINH.VN : ÂM THANH – DUY LINH STORE OFFICIAL | Mitsubishi Electric logo in transparent PNG format | Motorradzubehör Adesivo coppia Logo Suzuki Argento Cromo in rilievo semi  rigido Sticker Auto & Motorrad: Fahrzeuge LA2385408 | Canon logo in transparent PNG and vectorized SVG formats | | --- | --- | --- | --- | --- | | ........................... | ........................... | ........................... | ........................... | ........................... | |

| **TRẠM 3 – DỊCH VỤ** |
| --- |
| Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:  **3. Dịch vụ:** đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng ........................... và thu hút ........................... lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).  **a/ Thương mại**   * Nội thương đóng góp khoảng ........................... GDP (giai đoạn 2010 - 2020). * Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn ........................... tỉ USD. * Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là ........................... * Các mặt hàng nhập khẩu chính là ........................... * Các đối tác thương mại chính của ...........................   **b/ Giao thông vận tải**   * Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản ..........................., đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế. * Giao thông ........................... được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá. * Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơn ...........................triệu km, chiếm hơn ........................... khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020). * Đường ..........................., ........................... của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.   **c/ Tài chính ngân hàng:** Nhật Bản là một trong những ........................... quan trọng của thế giới. ........................... là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.  **d/ Du lịch**   * Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng...........................vào GDP (năm 2019). * Năm 2019, Nhật Bản thu hút được........................... triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ........................... thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt ........................... tỉ USD (đứng thứ 7 thế giới). * ........................... đóng vai trò quan trọng. |

**PHIẾU PHẢN HỒI**

| **TRẠM 1– NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN** |
| --- |
| Câu 1: Căn cứ vào hình 24.1 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê các sản phẩm nông nghiệp sau:  *(Lưu ý, nên sắp xếp thứ tự sản phẩm giảm dần theo số lượng kí hiệu)*   | Đảo Hốc- Cai - đô | Nuôi bò, rong biển, cây ăn quả, khai thác thủy sản | | --- | --- | | Đảo Hôn - su | Lúa gạo, đánh bắt hải sản, nuôi bò, cây ăn quả, chè, lúa mì, chăn nuôi gia cầm, nuôi lợn, khai thác thủy sản. | | Đảo Xi- cô- cư | Cây ăn quả, chè, nuôi bò, lúa gạo, khai thác thủy sản, ngọc trai. | | Đảo Kiu - xiu | Thuốc lá, chè, cây ăn quả, lúa gạo, khai thác thủy sản, tơ tằm |   Câu 2 : Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:   | **1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản:** chiếm tỉ lệ nhỏ (chỉ khoảng 1%) trong cơ cấu GDP và thu hút khoảng 3% lực lượng lao động (năm 2020).  **a/ Nông nghiệp**   * Sản xuất theo hướng thâm canh với quy mô nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến, cho năng suất cao với chất lượng hàng đầu thế giới. * Trồng trọt có vị trí quan trọng, chiếm hơn 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (năm 2020). Trình độ cơ giới hoá nông nghiệp rất cao. * Chăn nuôi tương đối phát triển, tỷ trọng có xu hướng tăng.   **b/ Lâm nghiệp:** được chú trọng phát triển, rừng có vai trò quan trọng đối với việc chống xói mòn đất và bảo vệ môi trường. Rừng trồng chiếm khoảng 40% tổng diện tích rừng.  **c/ Thuỷ sản**   * Khai thác thuỷ sản có lịch sử phát triển lâu đời ở Nhật Bản. Ngành khai thác thuỷ sản đã đạt đến mức công nghiệp hoá và được phát triển ở hầu khắp đất nước. * Sản lượng thuỷ sản khai thác năm 2020 là 3,2 triệu tấn (đứng thứ tám thế giới). * Đội tàu khai thác thuỷ sản của Nhật Bản lớn hàng đầu thế giới (năm 2020). * Nuôi trồng thuỷ sản được chú trọng phát triển. Các loài thuỷ sản được nuôi trồng chủ yếu là tôm, rong biển, trai lấy ngọc, hàu,... | | --- | |

| **TRẠM 2 – CÔNG NGHIỆP** |
| --- |
| Câu 1: Căn cứ vào hình 24.2 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:   | **2/ Công nghiệp**: chiếm khoảng 29% GDP và thu hút khoảng 27% lao động (năm 2020), tạo ra khối lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất cho đất nước.   * Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, có nhiều ngành đứng đầu thế giới về kĩ thuật, công nghệ tiên tiến như công nghiệp chế tạo, công nghiệp điện tử - tin học,... * Chỉ trên bản đồ các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Nhật Bản: Tô-ky-ô, Na-gôi-a, Ô-xa-ca (đảo Hôn-su), Phu-cu-ô-ca (đảo Kiu-xiu), Xáp-pô-rô (đảo Hô-cai-đô), Cô-chi (đảo Xi-cô-cư),..., phần lớn các trung tâm công nghiệp nằm dọc bờ biển hoặc gần các vịnh lớn * Công nghiệp chế tạo phát triển mạnh và chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Các sản phẩm nổi bật là tàu biển, ô tô… * Công nghiệp điện tử - tin học đứng hàng đầu thế giới với các sản phẩm điện tử tiêu dùng, máy tính, ti vi, chất bán dẫn, rô-bốt … * Hiện nay, Nhật Bản đang đầu tư mạnh vào các ngành năng lượng hạt nhân, năng lượng tái tạo; công nghiệp hàng không - vũ trụ; công nghệ sinh học và dược phẩm,... | | --- |   Câu 2 : Nhận diện thương hiệu   | Top 86+ logo xe toyota không thể bỏ qua - daotaonec | DUYLINH.VN : ÂM THANH – DUY LINH STORE OFFICIAL | Mitsubishi Electric logo in transparent PNG format | Motorradzubehör Adesivo coppia Logo Suzuki Argento Cromo in rilievo semi  rigido Sticker Auto & Motorrad: Fahrzeuge LA2385408 | Canon logo in transparent PNG and vectorized SVG formats | | --- | --- | --- | --- | --- | | Toyota | Honda | Mitsubishi Electric | Suzuki | Canon | |

| **TRẠM 3 – DỊCH VỤ** |
| --- |
| Căn cứ vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành bảng thống kê sau:  **3. Dịch vụ:** đóng góp phần lớn vào GDP (khoảng 69,5%) và thu hút 72,9% lực lượng lao động của Nhật Bản (năm 2020).  **a/ Thương mại**   * Nội thương đóng góp khoảng 13 - 14% GDP (giai đoạn 2010 - 2020). * Ngoại thương: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đạt hơn 1 500 tỉ USD. * Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, hoá chất, nhựa,... * Các mặt hàng nhập khẩu chính là năng lượng, nguyên liệu công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp,... * Các đối tác thương mại chính của Nhật Bản là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á, Ồ-xtrây-li-a,...   **b/ Giao thông vận tải**   * Hệ thống giao thông vận tải của Nhật Bản đồng bộ và hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và giao thương quốc tế. * Giao thông đường sắt được chú trọng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách và hàng hoá. * Giao thông vận tải đường bộ với chiều dài mạng lưới hơn 1,2 triệu km, chiếm hơn 90% khối lượng vận tải hàng hóa trong nước (năm 2020). * Đường hàng không, đường biển của Nhật Bản đều phát triển mạnh để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hoá.   **c/ Tài chính ngân hàng:** Nhật Bản là một trong những trung tâm tài chính quan trọng của thế giới. Tô-ky-ô là trung tâm tài chính lớn nhất của đất nước.  **d/ Du lịch**   * Hoạt động du lịch phát triển mạnh, đóng góp khoảng 7% vào GDP (năm 2019). * Năm 2019, Nhật Bản thu hút được 31,8 triệu khách du lịch quốc tế (đứng thứ 12 thế giới), doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 46,1 tỷ USD (đứng thứ 7 thế giới). * Du lịch nội địa đóng vai trò quan trọng. |

**2/ Câu hỏi và bài tập**

**Câu 1.** Ích lợi chủ yếu của việc duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công ở Nhật Bản **không** phải là

**A.** hàng hoá chiếm lĩnh được thị trường “ngách”.

**B.** tận dụng được sức lao động của người dân.

**C.** sử dụng được các nguồn vốn của người dân.

**D.** hỗ trợ các xí nghiệp lớn về nguyên liệu.

**Câu 2.** Công nghiệp Nhật Bản là ngành

**A.** có sản phẩm đơn điệu và hầu như ít thay đổi.

**B.** chỉ tập trung sản xuất cho thị trường trong nước.

**C.** sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản, lao động.

**D.** tập trung vào phát triển các ngành công nghệ cao.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** về sự phân bố công nghiệp Nhật Bản?

**A.** Ven biển Nhật Bản có các trung tâm rất lớn.

**B.** Chủ yếu nằm ở phần lãnh thổ phía Nam.

**C.** Các trung tâm lớn phân bố ở đảo Hôn-su.

**D.** Phần lớn có vị trí phía Thái Bình Dương.

**Câu 4.** Diện tích trồng lúa của Nhật Bản ngày càng giảm, **không** phải do

**A.** một phần diện tích trồng lúa dành cho quần cư.

**B.** mức tiêu thụ lúa gạo trên đầu người giảm.

**C.** diện tích dành cho trồng cây khác tăng lên.

**D.** khí hậu cận nhiệt và ôn đới ít thích hợp.

**Câu 5.** Do hoạt động ngoại thương phát triển mạnh, nên Nhật Bản cần phải phát triển mạnh giao thông vận tải đường

**A.** ô tô. **B.** hàng không. **C.** biển. **D.** sắt.

**Câu 6.** Trong các vùng kinh tế của Nhật Bản, có dân số thưa thớt nhất là

**A.** Kiu-xiu. **B.** Hôn-su. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Hô-cai-đô.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với ngành hải sản của Nhật Bản ?

**A.** Nuôi trồng hải sản được chú trọng phát triển.

**B.** Ngư trường ngày hay bị thu hẹp so với trước đây.

**C.** Cá thu, cá ngừ, cá tuyết là các sản phẩm chính.

**D.** Sản lượng hải sản đánh bắt hàng năm lớn.

**Câu 8.** Nhật Bản **không** phải là nước đúng vào nhóm hàng đầu thế giới về ngành

**A.** viễn thông. **B.** tài chính. **C.** ngân hàng, **D.** thương mại.

**Câu 9.** Phần lớn các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản phân bố ở ven biển phía Thái Bình Dương, chủ yếu là do ở đây có:

**A.** đất đai màu mỡ, dân cư đông đúc.

**B.** địa hình phẳng, các cảng biển lớn.

**C.** nhiều sông ngòi, nguyên liệu dồi dào.

**D.** lao động nhiều, vùng biển rộng lớn.

**Câu 10.** Công nghiệp gỗ, giấy tập trung chủ yếu ở đảo Hô-cai-đô là do chủ yếu ở đây có:

**A.** cơ sở hạ tầng phát triển mạnh. **B.** nguồn nguyên liệu phong phú.

**C.** nguồn lao động rất dồi dào. **D.** vị trí địa lí nhiều thuận lợi.

**Câu 11.** Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiuxiu là

**A.** phát triển mạnh ngành sản xuất ô tô.

**B.** có thành phố lớn là ô-xa-ca và Cô-bê.

**C.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

**D.** lúa mì, củ cải đường là cây trồng chính.

**Câu 12.** Nông nghiệp Nhật Bản **không** tập trung phát triển theo hướng

**A.** ưu tiên phát triển sản xuất hộ gia đình.

**B.** ứng dụng mạnh khoa học hiện đại.

**C.** đầu tư cao vào sản xuất thâm canh.

**D.** chú trọng năng suất và chất lượng.

**Câu 13.** Các cảng biển lớn của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở

**A.** ven biển ô-khôt. **B.** phía nam đảo Kiu-xiu.

**C.** ven Thái Bình Dương. **D.** ven biển Nhật Bản.

**Câu 14.** Cảng biển nào sau đây **không** nằm ở đảo Hôn-su?

**A.** Na-ga-xa-ki. **B.** Cô-bê. **C.** Ôsaka. **D.** I-ô-cô-ha-ma.

**Câu 15.** Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su **không** phải là

**A.** có dân số đông nhất **B.** có diện tích rộng nhất.

**C.** khai thác than lớn nhất. **D.** Kinh tế phát triển nhất.

**Câu 16.** Ngành giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng ở Nhật Bản, vì đất nước này cần thiết phải trao đổi kinh tế với

**A.** các nước trên thế giới. **B.** các nước phát triển.

**C.** các nước đang phát triển. **D.** các nước công nghiệp mới.

**Câu 17.** Đặc điểm nổi bật về công nghiệp của vùng Kinh tế Hôn-su là

**A.** chủ yếu khai thác than đá, quặng sắt.

**B.** có nhiều trung tâm công nghiệp lớn.

**C.** phát triển khai thác than và luyện thép.

**D.** tập trung vào khai thác quặng đồng.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với nông nghiệp Nhật Bản?

**A.** Chú trọng năng suất, chất lượng. **B.** Phương pháp chăn nuôi tiên tiến.

**C.** Phát triển theo hướng thâm canh. **D.** Chiếm tỉ trọng rất lớn trong GDP.

**Câu 19.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho giao thông đường biển là ngành không thể thiếu được đối với Nhật Bản?

**A.** Hoạt động thương mại phát triển mạnh.

**B.** Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu.

**C.** Người dân có nhu cầu du lịch quốc tế.

**D.** Đất nước quần đảo, có hàng nghìn đảo.

**Câu 20.** Các trung tâm công nghiệp chính của Nhật Bản phân bố chủ yếu ở ven biển phía nam đảo Hôn-su do ở đây có

**A.** có nhiều vịnh biển sâu, kín và sông ngòi dày đặc, nhiều nước.

**B.** địa hình tương đối phẳng, rộng và có nhiều vịnh biển sâu, kín.

**C.** địa hình tương đối phẳng, rộng và đường bờ biển dài, nhiều đảo.

**D.** có nhiều vịnh biển sâu, kín và khí hậu cận nhiệt đới, ít thiên tai.

**Câu 21.** Vai trò của nông nghiệp trong nền Kinh tế Nhật Bản **không** lớn, vì

**A.** nhập khẩu nông sản có nhiều lợi thế hơn sản xuất.

**B.** Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.

**C.** diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện còn quá ít.

**D.** Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.

**Câu 22.** Đặc điểm nổi bật về công nghiệp của vùng kinh tế Xi-cô-cư là:

**A.** Có khí hậu cận nhiệt đới, lịch sử lâu đời.

**B.** tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.

**C.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

**D.** phát triển khai thác than và luyện thép.

**Câu 23.** Trong các vùng kinh tế của Nhật Bản, có dân số đông nhất ở

**A.** Kiu-xiu. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Hôn-su. **D.** Xi-cô-cư.

**Câu 24.** Sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản đóng vai trò thứ yếu trong cơ cấu kinh tế chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Diện tích đất nông nghiệp nhỏ. **B.** nhập khẩu lương thực có lợi hơn.

**C.** Ưu tiên lao động cho đánh bắt. **D.** Người dân ít sử dụng lương thực.

**Câu 25.** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

**A.** Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản.

**B.** Chiếm khoảng **Câu 3**6% diện tích đất canh tác.

**C.** Phân bố rộng nhưng tập trung ở đảo Hôn-su.

**D.** Sản lượng lúa đứng vào loại hàng đầu thế giới.

**Câu 26.** Đảo nào sau đây của Nhật Bản có ít nhất các trung tâm công nghiệp?

**A.** Hô-cai-đô. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Kiu-xiu. **D.** Hôn-su.

**Câu 27.** Các ngành công nghiệp nổi tiếng thế giới của Nhật Bản hiện nay là

**A.** chế tạo, sản xuất điện tử, chế biến thực phẩm.

**B.** chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt

**C.** chế tạo, sản xuất điện tử - tin học, ô tô.

**D.** chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim màu, dệt.

**Câu 28.** Ngành công nghiệp mũi nhọn hiện nay của Nhật Bản là sản xuất

**A.** dệt. **B.** rô-bốt. **C.** điện tử. **D.** xây dựng.

**Câu 29.** Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hô-cai-đô là

**A.** tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.

**B.** rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng

**C.** diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.

**D.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

**Câu 30.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sản lượng đánh bắt hải sản của Nhật Bản có xu hướng giảm?

**A.** Lực lượng đánh bắt ngày càng ít hơn.

**B.** Phương tiện đánh bắt không đổi mới.

**C.** Môi trường biển ngày càng bị ô nhiễm.

**D.** Nguồn lợi hải sản ngày càng bị giảm sút.

**3/ Hệ thống tranh ảnh**

| Seaport of Tokyo - Seaoo.com | Blog | Port of Chiba - Wikipedia | Yokohama - APM Terminals |
| --- | --- | --- |
| Cảng Tokyo | Cảng Chiba | Cảng Yokohama |
| Bản đồ cảng biển tại Nhật Bản | https://lh4.googleusercontent.com/vthlsHlNcvrpFTu9RWmGDtM4I02ZnNctW_Y3daS6SpxT3RLHB0JqLSNvJNJjF8ddEwSi9q3UuAad_Mjfv4tveHM3J9kD1oLF6Q_aaxJpFN2WbJUv4K1z0uAH6o1EbqWcf5XE5M0=s0 | https://i.pinimg.com/564x/18/70/bd/1870bdcd9938ba25068dbabd18d16936.jpg |
| Các cảng được sử dụng làm cảng thương mại vận chuyển hàng hóa đường biển quốc tế | Robot ở Nhật đã phát triển một cách toàn diện và hiện đại hơn hẳn. | Bản đồ du lịch Nhật Bản |
| D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\The Japan Rail Pass.jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\sản xuất ô tô liền thân ở Nhật.jpg | D:\GIÁO ÁN\11\CŨ\NHAT BAN\db1a80379fdfc63d4745a7b45ed68476.jpg |
| Mạng lưới đường sắt của Nhật Bản | Sản xuất ô tô | Kinh tế Nhật Bản |
| D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\ở Minakami, Gunma..jpg | D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\đường biển có vai trò quan trọng.jpg | D:\GIÁO ÁN\11\2018\Hình ảnh Nhật Bản\tàu điện của NHật.jpg |
| Minakami, Gunma.  Nhật Bản nhiều núi, nhiều rừng, lầm nghiệp có vai trò quan trọng trong kinh tế | Đường biển có vai trò quan trọng trong giao thông vận tải của Nhật Bản | Tàu điện hiện đại của Nhật Bản |

**3/ Các link video…**

# <https://www.youtube.com/watch?v=5Ghqzh_i2c8> Phim tài liệu: Nông nghiệp Nhật Bản

* <https://hoangviettravel.vn/gioi-thieu-ve-nhat-ban/> 3 Phút Giới Thiệu Về Nhật Bản – Đất Nước Khiến Ai Cũng Khâm Phục
* <https://coccoc.com/search?query=du+l%E1%BB%8Bch++nh%E1%BA%ADt+b%E1%BA%A3n&tbm=vid> Du lịch Nhật Bản - Đất nước kỳ lạ
* <https://www.vntrip.vn/cam-nang/10-diem-den-hap-dan-nhat-ban-77872> 10 địa điểm du lịch Nhật Bản nổi tiếng bậc nhất
* <https://we-xpats.com/vi/guide/as/jp/detail/7981/> Robot Nhật Bản đã phát triển đỉnh cao đến mức nào?